

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC-PT
Ngày: 24/11/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Các Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa

Bà Nguyễn Thị Như

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham dự phiên tòa:
Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét
xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2022/TLPT-HC ngày 06
tháng 10 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành
chính của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y trong việc áp dụng biện
pháp buộc tháo dỡ nhà ở, công trình, vật kiến trúc kiên cố khác*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 11 tháng 08 năm
2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2022/QĐ-PT ngày
11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Chu Thị N - Sinh năm 1944;

Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Việt K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân
Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn C; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt.

2. Bà Chu Thị Quỳnh H; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng;
Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Đ; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

4. Ông Chu Văn N1; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

5. Ông Nông Hồng C1; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

6. Bà Nông Thị N2; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

7. Bà Nông Thị T; Địa chỉ: Phường Sông Hiến, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

8. Bà Nông Thị X; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

9. Ông Nông Văn M; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

10. Bà Đàm Thị Đ1; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

11. Bà Đinh Thị Th; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

12. Lý Nông T1 - Sinh năm 2005; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Nông Thị X; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

13. Nguyễn Chu Trung K1 - Sinh năm 2004; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Trung H1; Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Chu Thị N và ông Đinh Văn C:* Ông Nguyễn Trung D – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm bà Chu Thị N và ông Đinh Văn C thống nhất trình bày:

Gia đình bà N và gia đình bà Chu Thị Quỳnh H có quan hệ là hàng xóm cùng sinh sống tại Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng.

Bố mẹ của bà H là ông Chu Văn N1 và bà Nguyễn Thị Đ có đất giáp ranh với đất gia đình bà, thửa đất này ông N1, bà Đ đã chia cho bà H một phần, nay bà H muốn chuyển nhượng thửa đất được chia cho người khác, để có đường đi, bà H đã làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố Y. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố Y ban hành Công văn số 359/UBND-TTr ngày 05/3/2021 giao

nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y giải quyết vụ việc.

Thực hiện Công văn số 359/UBND-TTr ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Y, Ủy ban nhân dân phường X đã tổ chức xác minh thực địa thửa đất vào ngày 19/3/2021 nhưng không mời gia đình bà N tham gia. Đến ngày 04/5/2021 bà được tham gia buổi làm việc. Tại buổi làm việc ông Hà Việt K đề nghị gia đình bà N lùi cổng vào phần đất gia đình bà N đã được cấp giấy chứng nhận. Gia đình bà N không nhất trí lùi cổng nên Ủy ban nhân dân phường X đã ban hành Thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021 và Thông báo số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 (thông báo lần 2) với nội dung yêu cầu gia đình bà N tự tháo dỡ cổng, Văn bản số 244/UBND-ĐCXĐ ngày 10/8/2021 về việc trả lời đơn của bà Chu Thị N của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y với nội dung không hủy bỏ Thông báo số 40/TB-UBND.

Gia đình bà N không nhất trí với Thông báo số 40, Thông báo số 90 và Văn bản số 244 với lý do sau:

Nguồn gốc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11: Trước đây bà N công tác tại Tiểu đoàn 60 Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng. Năm 1982 ông Trần Xuân D là Trưởng ban Doanh trại thừa lệnh của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng có Giấy cầm đất cho các sỹ quan trong đó có bà N. Do lô đất của bà N ở trong nên năm 1982 ông Diệu đã có giấy cho phép bà khai phá đường đi vào nhà. Sau khi có giấy cho phép của ông Diệu, gia đình bà đã làm con đường đi vào nhà và năm 1986 gia đình bà đã dựng cổng đi vào nhà bằng hai cột bê tông cũ, cao 1,6m. Như vậy, gia đình bà N đã sử dụng diện tích đất vào cổng nhà liên tục từ năm 1982 đến nay đã gần 39 năm.

Con đường này do gia đình bà N tự tôn tạo và sử dụng, không có gia đình sử dụng chung nên cần xác định là con đường riêng của gia đình bà N. Việc Ủy ban nhân dân phường X đề nghị bà N tháo dỡ cổng bà không nhất trí nên bà yêu cầu hủy Thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021, Thông báo số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 và văn bản số 244/UBND-ĐCXĐ ngày 10/8/2021 về việc trả lời đơn của bà Chu Thị N của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện - ông Hà Việt K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X trình bày:

Thực hiện Công văn số 359/UBND-TTr ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Y về việc giao nhiệm vụ giải quyết đơn thư của công dân. Ngày 19/3/2021, Ủy ban nhân dân phường X đã tiến hành xác định ranh giới thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11 của gia đình bà Chu Thị N tại tổ 4, Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, do thiếu nhân lực và đo thủ công nên việc xác định ranh giới thửa đất chưa chính xác.

Đến ngày 04/6/2021 được sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố Y, Ủy ban nhân dân phường X đã thực hiện việc đo đạc xác định ranh giới thửa đất số 61. Tất cả các buổi làm việc của Ủy ban nhân dân phường X đều có mặt bà Chu Thị N và ông Đinh Văn Chi.

Sau khi xác định vị trí cổng gia đình bà N xây dựng nằm ngoài Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ bà Chu Thị N, Ủy ban nhân dân phường X đã ban hành Thông báo số 40/TB-UBND và Thông báo số 90/TB-UBND về việc yêu cầu tự phá dỡ công trình (cổng) đối với gia đình bà Chu Thị N là đúng trình tự, thẩm quyền.

Căn cứ ban hành: Ủy ban nhân dân phường X căn cứ Kết luận của Thanh tra thành phố năm 2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ gia đình bà N được cấp không có con đường, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Chu Thị Quỳnh H được cấp thể hiện có con đường đi chung, đồng thời ông Trần Xuân D không có thẩm quyền cấp đất và giao đất cho cá nhân sử dụng.

Bà N cho rằng Ủy ban nhân dân phường X không giải quyết khiếu nại của bà N đối với đơn khiếu nại ngày 05/8/2021 mà ban hành Công văn số 244/UBND-ĐLXD là không đúng. Vì bà N có 02 đơn, đối với đơn đề nghị thứ nhất ngày 05/7/2021 Ủy ban nhân dân phường X đã trả lời bằng Công văn số 244/UBND-ĐLXD về việc trả lời đơn của bà N do đây là đơn đề nghị thông thường. Đối với đơn thứ hai ngày 05/8/2021 đây là đơn khiếu nại hành chính, Ủy ban nhân dân đã tiến hành thụ lý và giải quyết theo trình tự, thủ tục của Luật khiếu nại năm 2011 và đã ban hành Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Việc bà N áp dụng Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 về xác định quyền sử dụng đất của bà N là chưa chính xác vì bà N cho rằng bà đã sử dụng đất từ năm 1982 đến nay là 39 năm liên tục, công khai nhưng thực tế bà sử dụng đến năm 2011 đã có tranh chấp liên quan đến con đường đi chung này. Thời điểm đó là 29 năm, cho đến nay vẫn chưa giải quyết dứt điểm nên việc sử dụng con đường đi chung chưa đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất.

Hơn nữa, con đường chung đã có trước năm 1982, là 01 con đường mòn, đến năm 1982 bà N đến sử dụng thì bà N mới tôn tạo và mở rộng. Do đó Ủy ban nhân dân phường X không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Chu Thị Quỳnh H, bà Nguyễn Thị Đ, ông Chu Văn N1, ông Nông Hồng C1, bà Nông Thị N, bà Nông Thị T, bà Nông Thị X, ông Nông Văn M, bà Đàm Thị Đ1
thống nhất trình bày: Con đường đi vào nhà bà N đã có từ xa xưa, trước khi bà N đến sinh sống đã có, trước đây là con đường mòn, sau khi bà N đến cải tạo mới được con đường như hiện nay. Con đường này là đường đi chung, không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà N nên yêu cầu bà N di dời cổng đến vị trí đất mà bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các hộ có đất giáp với con đường đã nhiều lần đề nghị bà N cho sử dụng con đường đi chung nhưng bà N không đồng ý, điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các hộ có đất giáp với con đường đi chung vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện có đất giáp đường mà không được sử dụng đường đi chung.

Bà Chu Thị Quỳnh H cho biết gia đình bà không có tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình bà N do con đường là đất công, không phải đất của gia đình bà N. Bà gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành phố là đề tố cáo việc bà N xây dựng công, hàng rào sắt ra phần đất đường đi chung của xóm nên đề nghị xử lý hành vi vi phạm của bà N theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Trung Dũng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N và ông C trình bày luận cứ: Ủy ban nhân dân phường X khi ban hành Thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021; Thông báo số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 (thông báo lần 2) và Văn bản số 244/UBND - ĐCXD ngày 10/8/2021 đều không tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, không có biên bản xử phạt vi phạm hành chính, không có quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà ra các văn bản trên là không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ các quyết định hành chính trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều a khoản 2 Điều 116; Điều 193; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N về việc: Huỷ Thông báo yêu cầu tự tháo dỡ công trình số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Huỷ Thông báo yêu cầu tự tháo dỡ công trình (lần 2) số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng; Huỷ Văn bản số 244/UBND-ĐCXD ngày 10/8/2021 về việc trả lời đơn của bà Chu Thị N của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2022, bà Chu Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bà cho rằng thẩm quyền về tố tụng theo quy định của pháp luật thì vụ việc này không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường X mà thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Y vì bản chất của vụ việc là tranh chấp đất đai và mở lối đi qua, Tòa án sẽ thụ lý giải quyết khi có đơn khởi kiện về tranh chấp đất đai và mở lối đi qua của bà Nguyễn Thị Đ hoặc bà Chu Thị Quỳnh H.

Thẩm quyền về xử lý hành chính: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có bất kì quyết định xử lý vi phạm hành chính nào từ UBND phường

X đối với bà, nghĩa là bà không có hành vi vi phạm hành chính nhưng lại bị xử lý vi phạm hành chính về việc xây dựng công nhà từ năm 1986. Trường hợp làm công nhà từ năm 1986 có vi phạm thì đến nay (năm 2022) đã được 36 năm mới bị UBND phường X ra quyết định xử lý hành chính là không phù hợp với pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Mặt khác Thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021 và Thông báo lần hai số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 là các quyết định hành chính nhưng không có căn cứ pháp luật, không có biện pháp khắc phục hậu quả, các văn bản đó đã vi phạm pháp luật nghiêm trọng, cần phải hủy bỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

- Về Nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Bà Chu Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được các căn cứ cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 xử: Bác kháng cáo của bà Chu Thị N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, bà Chu Thị N yêu cầu hủy Thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021; Thông báo số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 (thông báo lần 2) và Văn bản số 244/UBND-ĐCXĐ ngày 10/8/2021 về việc trả lời đơn của bà Chu Thị N của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2015, xác định đây là quyết định hành chính bị kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Cao Bằng.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/8/2021, bà Chu Thị N nộp đơn khởi kiện các quyết định hành chính. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, bà Chu Thị N có quyền khởi kiện. Tòa án nhân dân

thành phố Y thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Chu Thị N:

[2.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Chu Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo viết trong hạn luật định và đúng theo quy định, do đó kháng cáo của bà Chu Thị N là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2.2] Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện:

- Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ Điều 35 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điểm d, khoản 1, Điều 38 Luật xử lý vi phạm Hành chính; Điểm d, khoản 1, Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường X ban hành Thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021, Thông báo số 90/TB-UBND ngày 09/8/2021 (thông báo lần 2) và Văn bản số 244/UBND-ĐCXĐ ngày 10/8/2021 về việc trả lời đơn của bà Chu Thị N là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Thực hiện công văn số 359/UBND-TTtr ngày 05/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Y về việc giao nhiệm vụ giải quyết đơn thư của công dân. Ngày 19/3/2021 Ủy ban nhân dân phường X đã tiến hành xác định ranh giới thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11 của gia đình bà Chu Thị N tại tổ 4, Phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng. Đến ngày 04/6/2021 đã thực hiện việc đo đạc xác định ranh giới thửa đất số 61. Sau khi xác định vị trí công gia đình bà N xây dựng nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ bà Chu Thị N, Ủy ban nhân dân phường X đã ban hành Thông báo số 40/TB-UBND và Thông báo số 90/TB-UBND về việc yêu cầu tự phá dỡ công trình (công) đối với gia đình bà Chu Thị N. Như vậy các Quyết định hành chính bị kiện ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Về nội dung: Thông báo số 40/TB-UBND và Thông báo số 90/TB-UBND có nội dung:

“1. Quyền quản lý và quyền sử dụng con đường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí công hiện nay được xác định ở phần ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1,9m (có biên bản sơ đồ, xác định ranh giới ngày 04/06/2021 kèm theo).

2. Đề nghị gia đình bà Chu Thị N tháo dỡ công trên nền đất không nằm trên thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.707,0m²”. Đồng thời ấn định thời gian tháo dỡ và nếu không thực hiện UBND phường sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Văn bản số 244/UBND-ĐCXĐ ngày 10/8/2021 về việc trả lời đơn của bà Chu Thị N của Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng có nội dung: “ 2. Ủy ban nhân dân phường X sẽ không hủy bỏ kết luận thông báo số 40/TB-UBND ngày 28/6/2021 và giữ nguyên việc đề nghị bà thực hiện theo thông báo...”.

Về nguồn gốc con đường: Là con đường mòn có từ trước năm 1982, gia đình bà N tôn tạo, mở rộng thêm và sử dụng từ năm 1982 dưới sự cho phép của ông Trần Xuân D là Trưởng ban Doanh trại thừa lệnh của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng. Khi giao không có văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không thực hiện việc giao đất theo qui định. Theo biên bản xác minh ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y với ông Trần Xuân D cho biết khi giao đất cho gia đình bà N con đường đi xuống nhà bà N đã có từ trước, là con đường mòn.

Bà N sử dụng từ năm 1982 nhưng không kê khai với cơ quan có thẩm quyền để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà cho rằng đất thuộc quyền quản lý của gia đình bà nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với con đường đi vào thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11 của gia đình bà Chu Thị N. Tại bản đồ địa chính năm 1995 và năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường X đều thể hiện con đường này là đường đi chung, chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào. Bà N tự ý xây dựng công trình là cổng đi vào nhà bằng hai cột bê tông, hai cánh bằng sắt, thép, cao 1,6m mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân phường X phát hiện hành vi vi phạm của bà N từ năm 2011. Tuy nhiên, thời điểm đó chưa xác định được cụ thể diện tích vi phạm. Đến năm 2021 với sự tham gia của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Y mới xác định rõ diện tích vi phạm, vị trí vi phạm (thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 04/6/2021). Do thời hiệu ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính đã hết nên Ủy ban nhân dân phường X không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà thực hiện các biện pháp tuyên truyền, thuyết phục gia đình bà N tự tháo dỡ công trình trên đất lấn chiếm. Việc không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không làm thay đổi bản chất vụ việc, không gây bất lợi cho gia đình bà N, bà N không phải nộp tiền xử phạt, không bị thiệt hại về kinh tế.

Bà N có hành vi vi phạm nên Ủy ban nhân dân phường X áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y xác định vị trí công hiện nay của gia đình bà Chu Thị N xây dựng không nằm trong thửa đất số 61, tờ bản đồ số 11 (bản đồ địa chính năm 1995) của gia đình bà Chu Thị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà nằm trên con đường đi chung. Do đó, việc Ủy ban nhân dân phường xác định lỗi của bà N là xây dựng cổng trên đường đi chung tại Biên bản làm việc ngày 04/6/2021 là có căn cứ.

Do con đường vào nhà bà Chu Thị N là đường đi chung nên các loại tài sản, vật kiến trúc của gia đình bà N hình thành trên con đường này là do lấn

chiếm, xây dựng trái phép. Sau khi xác định được lỗi của gia đình bà N, Ủy ban nhân dân phường X đã tổ chức nhiều buổi làm việc với gia đình bà Chu Thị N để đối thoại, tuyên truyền, vận động, thuyết phục gia đình bà N tự tháo dỡ các công trình vi phạm nhưng bà N không chấp hành. Ngày 28/6/2021 Ủy ban nhân dân phường X đã ban hành Thông báo số 40/TB-UBND; đến ngày 09/8/2021 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND (thông báo lần 2) vừa có mục đích tuyên truyền, vận động gia đình bà N tự tháo dỡ công trình. Đồng thời cũng đưa ra thời hạn nếu gia đình không tự tháo dỡ sẽ áp dụng thêm các biện pháp cưỡng chế. Bà N khiếu nại Thông báo số 40/TB-UBND và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường X giải quyết bằng Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 10/9/2021. Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại bà Chu Thị N không khiếu nại hay khởi kiện quyết định trên. Ông Đinh Văn Chi chồng bà N không được UBND phường mời tham gia giải quyết, nhưng ông đã được đọc các văn bản mà UBND phường ban hành. Như vậy ông Đinh Văn Chi không bị mất quyền khiếu nại hay khởi kiện các Quyết định trên.

Bà N có hành vi lấn chiếm đất đai, xây dựng công trình trái phép trên đất công nên việc Ủy ban nhân dân phường ra các quyết định hành chính yêu cầu bà khôi phục tình trạng ban đầu là đúng pháp luật.

Ngoài ra bà N còn kháng cáo vì cho rằng vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường X, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân vì bản chất của vụ việc là tranh chấp đất đai và mở lối đi. Tuy nhiên trong vụ án này bà N không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với diện tích con đường mà gia đình bà đang sử dụng, các hộ liền kề cũng không có tranh chấp lối đi chung. Do vậy UBND phường X giải quyết theo thủ tục hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất công của gia đình bà N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Chu Thị N không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà N.

[3] Xét yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ: Ngày 22/10/2022 bà Chu Thị N có đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ vị trí đất xây dựng công nhà bà N và độ dốc chênh lệch giữa đất nhà bà N với bà Chu Thị Quỳnh H. Tuy nhiên cấp phúc thẩm xét thấy: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y đã xác định vị trí công hiện nay của gia đình bà Chu Thị N nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Chu Thị N và nằm trên con đường đi chung. Do vậy, không cần thiết phải xem xét thẩm định lại theo yêu cầu của bà Chu Thị N.

[4] Về án phí: Bà Chu Thị N là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận

định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị N; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

2. Về án phí: Bà Chu Thị N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- TAND thành phố Y;
- VKSND thành phố Y;
- UBND thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân Khánh